

Ảnh hưởng tư tưởng Phật tại tâm của vua Trần Thái Tông

ISSN: 2734-9195

13:39 18/02/2023

Tác giả: **Quảng Nhựt** Học viên Ths Khóa II Học viện PGVN tại Huế

A. MỞ ĐẦU

Ngược dòng thời gian chúng ta hãy nhìn lại những trang sử hào hùng của lịch sử dân tộc Đại Việt hay những triều đại mà Phật giáo nước nhà phát triển mạnh, nhất là thời đại nhà Trần. Trong quá trình phát triển lịch sử Phật giáo Việt Nam, dưới triều đại nhà Trần đã thể hiện rõ sức sống tự lực, tự cường với tinh thần độc lập của dân tộc, không giùn chân, không khiếp sợ trước uy quyền hay một thế lực ngoại ban nào cả, mà thể hiện rõ tính dân tộc của người Việt. Đồng thời, nó đã đi đúng hướng, đúng đường lối của đạo Phật dung hợp với bản sắc văn hoá dân tộc để tạo nên nét đặc thù cho lịch sử Việt Nam, cho nền triết học phương đông đồng thời cũng như là nền văn học Việt Nam dưới thời Trần.

Đạo Phật có nguồn gốc từ Ấn Độ du nhập Việt Nam từ khá sớm, khoảng những năm đầu kỷ nguyên Tây lịch, tại Việt Nam đã có trung tâm Phật giáo Luy Lâu, một trong ba trung tâm Phật giáo (tức Lạc Dương, Bình Thành và Luy Lâu) hoạt động sôi nổi nhất thời bấy giờ. Quá trình du nhập đạo Phật vào Việt Nam đã sản sinh ra các dòng Thiền như: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường. Thiền tông đã ăn sâu và bén rễ trong tâm thức người dân Việt trong đời sống sinh hoạt hằng ngày.

Vào đầu thế kỷ XIII hình thành một dòng Thiền có bản sắc riêng mang tính tự tôn trên cơ sở dung hợp những triết lý của ba dòng thiền.

Người khơi nguồn dẫn mạch là vị vua anh minh Trần Thái Tông. Đến tháng mười, năm Kỷ hợi (1299), vua Trần Nhân Tông sau khi trao lại vương quyền cho con đã lên núi Yên Tử tu hành và khai sáng ra dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Dưới sự trị vì của vị vua nhân từ, đức độ, người dân Đại Việt đã biết tự tin vào khả năng của mình. Họ gắn bó sinh mạng mình cùng sự suy vong của đất nước, đồng hành cùng những thăng trầm của đất nước, họ đã để lại nhiều chiến tích

oanh liệt trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

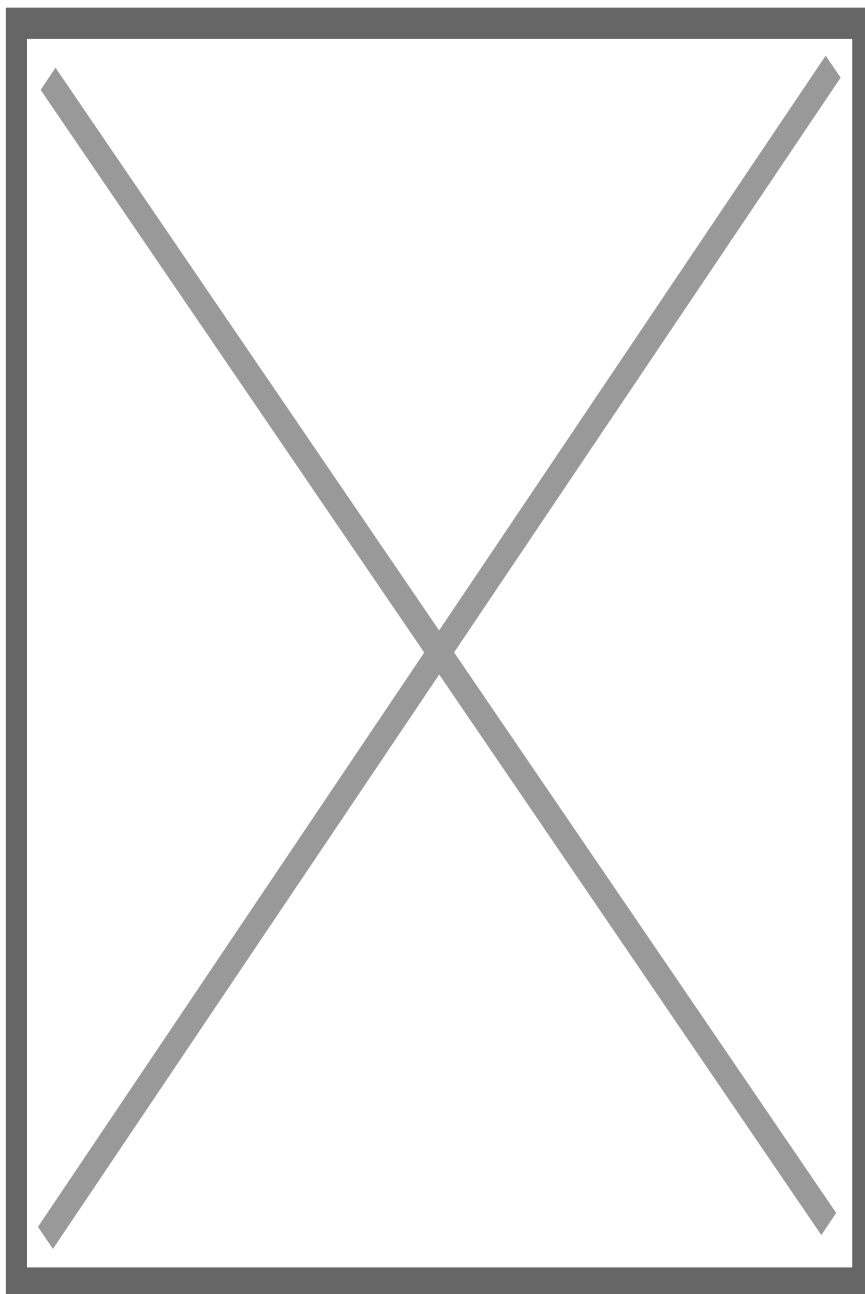
B. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA VUA TRẦN THÁI TÔNG

1.1 Thân thế và hoạt động của Trần Thái Tông

1.1.1. Thân thế

Trần Thái Tông là một người đã khai sáng ra một triều đại oanh liệt của dân tộc, một nhà lãnh đạo chính trị và quân sự tài ba của đất nước dưới triều đại nhà Trần. Điều này, trải qua mấy trăm năm lịch sử đã khẳng định. Mặt khác, vua Trần Thái Tông còn là một nhà văn, nhà thơ, có nhiều đóng góp to lớn cho nền lịch sử tư tưởng và Văn học Việt Nam nói chung, cho Phật giáo nói riêng. Ông là một trong những tác giả đầu tiên của Văn học Việt Nam trong triều đại nhà Trần và nhiều tác phẩm được bảo tồn cho đến ngày nay.



“Trần Thái Tông họ Trần tên Cảnh, tên cũ là Bồ, chi hậu chính của triều Lý, nhận Chiêu Hoàng nhường ngôi, tại vị 33 năm, thoái vị 19 năm, thọ 60 tuổi, băng hà ở cung Vạn Thọ, chôn tại Chiêu Lăng, vua khoan nhân đại độ, có lượng Đế vương, nên có thể mở nghiệp truyền sau, đặt giường, giảng mối cho chế độ nhà Trần vĩ đại. Song quy hoạch việc nước đều Trần Thủ Độ làm, chốn buông tha có nhiều điều hổ thẹn.”[1]

Tổ tiên đời trước của vua Trần Thái Tông tên là Kinh quê ở Tức Mặc, phủ Thiên Trường, làm nghề đánh cá để sinh sống, sau đó sinh con đặt tên là Trần Hấp, Trần Hấp lại sinh ra Trần Lý, Trần Lý sinh ra Trần Thừa (cha của Trần Thái Tông). Thái Tông là con thứ của Trần Thừa, có chú là Trần Thủ Độ, mưu trí hơn người, mẹ của ngài họ Lê. Thái Tông sinh vào ngày 16 tháng sáu, năm Mậu Dần, Kiến Gia thứ 8 (1218). Vua diện mạo nhân từ phúc hậu, mũi cao, mặt rộng

giống như Hán Cao tổ. Lúc lên 8 tuổi, dưới sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, Thái Tông được đưa vào cung làm Chi hầu chính hầu hạ Chiêu Hoàng (lúc này Chiêu Hoàng mới được tám tuổi), Chiêu Hoàng thấy Thái Tông sinh lòng yêu quý. Ngày 12 Mậu dần, tháng mười hai, mùa đông năm Ất Dậu, Thái Tông được Chiêu Hoàng nhường ngôi lên làm Hoàng Đế, lập Chiêu Thánh làm Hoàng hậu, đổi niên hiệu thành năm Kiến Trung thứ nhất.

Trần Thái Tông làm vua được 32 năm sau đó nhường ngôi cho con và làm Thái Thượng Hoàng ngự ở cung Thiên Trường. Trần Thái Tông để lại nhiều tác phẩm về Phật học, tiêu biểu như: Thiên tông chỉ nam, Khóa hư lục, Kim cang Tam Muội kinh chú giải, Bình đẳng lễ sám văn, Thi tập,...

1.1.2. Hoạt động của Trần Thái Tông

Sau khi Lý Huệ Tông truyền ngôi cho con gái là Chiêu Thánh lên ngôi Hoàng đế đã vào chùa Chân Giáo xuất gia. Chiêu Hoàng lên ngôi vì còn quá nhỏ nên mọi quyền lực trong triều chính do Trần Thủ Độ nắm quyền. Dưới sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, Trần Cảnh được vào cung làm Chi hầu chính, hầu hạ Chiêu Hoàng.

Có một hôm Trần Cảnh bung nước rửa mặt vào cho vua. Chiêu Hoàng thấy Trần Cảnh thì đem lòng yêu mến, từ đó mỗi khi vui chơi, Chiêu Hoàng đều gọi Trần Cảnh đến chơi cùng. Có hôm Trần Cảnh bung chậu nước đứng hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt, lấy tay té nước ướt cả mặt Trần Cảnh. Đến khi Cảnh bung khăn chầu thì vua bà lấy khăn ném cho Trần Cảnh. Những chuyện xảy ra trong cung giữa Trần Cảnh và Chiêu Hoàng như thế không qua được nhãn quan giám sát của Trần Thủ Độ, Trần Cảnh lại về đem kể cho Trần Thủ Độ nghe tất cả sự việc. Thủ Độ ngầm sắp xếp đưa tất cả nội ngoại, tôn thất vào trong cung cấm, lệnh cho lính đóng tất cả cửa cung, không cho ai vào. Sau đó Thủ Độ báo tin vua đã có chồng, quan lại, quần thần cho đó là việc tốt và xin chọn ngày vào chầu. Ngày 12 tháng 10, năm Ất Dậu (1225), Có chiếu của Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh. Chiêu Hoàng thiết triều ở điện Thiên An ngự trên giường bấu, các quan mặc triều phục lạy ở sân rồng. Chiêu Hoàng trút bỏ áo mào, khuyên mời Trần Cảnh lên ngôi vua. Sau ba lần nhún nhường làm phép. Trần Cảnh lên ngai vàng, chính thức làm Hoàng đế, lấy miếu hiệu là Trần Thái Tông.

Từ đó chúng ta có thể khẳng định Trần Cảnh và Chiêu Hoàng có sự cảm mến với nhau từ thuở bé. Tình cảm đó là thứ tình cảm rất thiêng liêng, tôn quý của một Nữ hoàng, dẫn đến một sự kiện trọng đại của đất nước, khi Lý Chiêu Hoàng chúi bỏ áo mào, tuyên cáo nhường ngôi cho chồng trước sự chứng kiến của thần dân thiên hạ. Như vậy đã có một cuộc chuyển biến lớn, tức là sự thay đổi vương triều, từ triều nhà Lý chuyển sang triều nhà Trần.

Với sự tài tình mưu trí hơn người của Trần Thủ Độ từ nhà Lý chuyển sang nhà Trần không có một cuộc chiến tranh đổ máu nào xảy ra, không có sự tang thương chết chóc nào cả mà ngược lại nhân dân vẫn được ấm no, hạnh phúc. Đây là điều được lịch sử tuyên dương và đánh giá cao về sự tài và trí của Trần Thủ Độ. Bên cạnh những công lao được sử sách ghi chép, Trần Thủ Độ còn được biết đến là một con người tàn bạo và độc đoán. Ông bất chấp mọi thủ đoạn để có được cái mục đích riêng của mình.

Từ những chi tiết lịch sử có thể nói việc lên ngôi của Trần Thái Tông là sự chuẩn bị cả một quá trình lịch sử lâu dài. Người có công lớn trong việc xây dựng nên nhà Trần đó là Trần Thủ Độ, nhưng trước đó ta phải kể đến công lao của những người đi trước sơ khai lập nghiệp tạo nên dòng họ nhà Trần. Đầu tiên là Trần Hấp, Trần Hấp sinh ra Trần Lý, Trần Lý mới sinh ra Trần Thừa. Việc quản lý đất nước hơn mười năm đầu do một tay Trần Thủ Độ với cương vị là Thái sư nên mọi việc đều là ông quyết định, Thái Tông làm vua nhưng chỉ là trên danh nghĩa, mọi quyền hành thuộc về Trần Thủ Độ, Thủ Độ lại là người bảo thủ và độc đoán.

Vào năm Đinh Dậu (1237) Trần Thủ Độ ép vua giáng Chiêu Thánh xuống làm Công chúa, và lập chị dâu (tức vợ của anh mình) là Công chúa Thuận Thiên lên làm Hoàng hậu. Lúc này Trần Thái Tông mới chính thức thể hiện tư cách một nhà lãnh đạo của đất nước bằng việc tự mình quyết định cuộc đời mình, phản đối cuộc hôn nhân chính trị do Thủ Độ sắp xếp. Sau khi lên núi Yên Tử gặp Quốc sư Viên Chứng và nghe lời dạy của Quốc sư, vua miễn cưỡng trở lại kinh đô chính thức lên ngôi, hoàn thành trách nhiệm của một bậc đế vương.

Sự kiện này được một nhà sử học uyên bác là Ngô Thì Sĩ nhận xét rằng: Trần Thái Tông bỏ ngai vàng như bỏ một chiếc giày rách. Vua được coi là một người khác lạ trong lịch sử Việt Nam.

1.2. Về sự nghiệp

Thừa kế một nền văn hóa Phật giáo từ thời nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước Đại Việt, Trần Cảnh lên ngôi vua khai sáng ra triều đại mới, triều đại nhà Trần kéo dài 175 năm (1225-1400) và tạo nên một hào khí mới: Hào khí Đông A sáng ngời trong lòng người dân. Do đó toàn dân Đại Việt có đủ sức mạnh vật chất cũng như tinh thần để xóa bỏ mặc cảm về một đất nước nhỏ bé vừa thoát khỏi ách đô hộ. Qua đó khẳng định ra chính trường thế giới, Đại Việt tuy là một nước non trẻ nhưng đã có sự vững trãi về mặt tư tưởng, xây dựng một quốc gia độc lập, tự chủ. Không chỉ vậy mà nhà Trần còn chú trọng về mặt quân sự trong chính sách chống giặc ngoại xâm mà còn có những chiến lược phát triển đất nước rất hiệu quả và mới mẻ trên các lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng... kinh thành Thăng Long dưới triều đại nhà Trần trở thành một trung

tâm văn hóa phát triển rực rỡ với sáu mươi một phố phường và là kinh đô, trụ sở chính của đất nước: “Cả dân tộc sống trong hào khí Đông A hào hùng, oanh liệt với hệ thống luật pháp mới đó là Quốc triều thông chế, ngoài ra còn biên soạn Hoàng triều đại điện và khảo định Hình thư”[2] để thi hành. Từ đó chứng tỏ những chiến lược xây dựng cải cách đất nước của Trần Thái Tông đem lại hiệu quả rất lớn và đạt được những thành tựu rất xuất sắc. Những thành tựu trên đã làm cho đất nước Đại Việt dưới triều Trần trở thành một đất nước hùng cường, không những trong việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền đất nước mà còn xây dựng nên một nền văn hóa - văn học rực rỡ của thời đại. Trong đó ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo như là một hệ tư tưởng cốt lõi cho đường lối trị quốc, yên dân. Bằng chứng là sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần, mang đậm bản sắc dân tộc, độc lập - tự chủ không phụ thuộc bởi bất cứ tư tưởng, trường phái nào bên ngoài.

1.2.1. Về chính trị

Chính sách cải cách đất nước:

Năm Ất Dậu Trần Thái Tông lên ngôi Hoàng đế, mở đầu cho một triều đại mới.

Năm 1230, nhà Trần đã cho biên soạn bộ Quốc Triều Thông Chế và coi đó là cơ sở khảo xét để xây dựng cơ chế hành chính cho triều đại mình. Cũng vào năm đó bộ Quốc Triều Thường Lễ ra đời.

Năm 1242, Trần Thái Tông tiến hành chia lại khu vực hành chính địa phương trong cả nước. Vào cuối thời Lý, nước ta có tất cả 24 lộ, đến nhà Trần cho hợp nhất các lộ nhỏ lại nên cả nước chỉ còn 12 lộ. Các đơn vị hành chính chính thống thuộc lộ như: châu, huyện, cả xã cũng từng bước được củng cố.

Năm 1244, “mùa Xuân, tháng giêng Trần Thái Tông: Sai các văn thân chia nhau đi trị nhậm các phủ, lộ trong nước gồm 12 nơi.”[3] Tiếp sau đó: “Định các điều về hình luật.”[4]...

Chế độ tuyển quan lại bằng thi cử ngày càng đi vào nề nếp. Năm 1232 Trần Thái Tông mở khoa thi, “Thái học sinh” đầu tiên (tương đương với “Tiến sĩ” sau này). Từ đó, tỷ lệ thi cử và các học vị đều được quy định bằng nhiều hình thức, cứ bảy năm là triều đình lại tổ chức khoa thi một lần.

Mùa thu, tháng tám 1247, Trần Thái Tông đã tổ chức khoa thi Tam giáo để chọn ra những người tài đức giúp việc cho đất nước: Ngô Tấn (người Trà Lộ) đỗ giáp khoa, Đào Diễn, Hoàng Hoan (người Thanh Hóa) và Vũ Vị Phụ (người Hồng Châu) đỗ á khoa.[5]

Như vậy chúng ta có thể thấy vua Trần Thái Tông rất coi trọng chính sách giáo dục, ra sức kêu gọi và tuyển những người rất tài giỏi để phục vụ cho đất nước. Trong giai đoạn này nhằm kêu gọi sức mạnh đoàn kết, củng cố lòng dân nhà vua không phân biệt, ưu tiên cho tôn giáo nào mà dung hòa cả ba nền tư tưởng: Nho - Phật - Lão cùng bổ sung, hỗ trợ nhau để xây dựng, phát triển đất nước.

Chính sách phát triển kinh tế:

Những năm cuối cùng của nhà Lý, lúc này nền kinh tế bị suy yếu nặng nề, đời sống của người dân thì khó khăn. Khi Trần Thái Tông lên ngôi bên cạnh việc phát triển giáo dục, Vua đặc biệt quan tâm đến việc khôi phục và phát triển nền kinh tế.

Sản xuất nông nghiệp ngày càng mở rộng bằng những công trình khẩn hoang của nhà nước. Triều đình cho phép các vương hầu, quý tộc triệu tập dân nghèo đi khai hoang để phục vụ cho việc sản xuất. Kinh tế lúc bấy giờ chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Vì thế về thủy lợi và phòng chống bão lụt là một việc trọng yếu được triều đình hết sức quan tâm.

Mùa xuân năm 1231, ông sai hoạn quan Nguyễn Bang Cốc đôn đốc quân bản phủ đào kênh Trầm, kênh Hào từ Thanh Hóa tới Diễn Châu. Bang Cốc đã hoàn tất công việc và được Thái Tông phong tước Phụ Quốc thượng hầu.

Tháng 3 âm lịch năm 1248, Thái Tông truyền cho các lộ đắp đê suốt từ đầu nguồn ra tới bờ biển để chống nước lũ dâng tràn, gọi là đê Đĩnh Nhĩ (Quai Vạc). Ông lập ra cơ quan Hà đê, có chánh sứ, phó sứ phụ trách đê điều trong cả nước.

Đến năm 1256, vua sai dọn sông Tô Lịch hỗ trợ giao thông thủy lợi, cũng tạo nguồn tưới tiêu cho các nông dân địa phương quanh kinh thành.

Đối với việc hạn hán xảy ra trong các năm, triều đình thường ban hành luật miễn thuế khóa, mở lương thóc rồi đại xá...và khuyến khích người dân tăng gia sản xuất, phát triển ngành nông nghiệp, trở nên phồn thịnh và thái bình hơn. Nhìn chung nền kinh tế nhà Trần do vua Trần Thái Tông đứng đầu, đã đổi mới, nhận thấy rõ sự khó khăn của nền nông nghiệp, kịp thời hỗ trợ nông dân trong việc đào kênh rạch thuận lợi cho việc nông nghiệp trồng trọt, thông qua đó khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất tạo nguồn kinh tế vững mạnh cho nước nhà, cải thiện đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc. Phong cảnh thanh bình của làng quê sau lũy tre thơm ngát mùi hương lúa mạ non. Vì thế Vua Trần Nhân Tông sau này có làm bài thơ ca ngợi cảnh quê hương thanh bình:

*“Trước xóm, sau thôn, tựa khói hồng Bóng chiều man mác có đường không
Một hời sáo vắng trâu về hết Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.”*[6]

Chính sách chống giặc ngoại xâm:

Năm 1240 được tin nhà Tống đến nước ta bắt người cướp của, thể hiện thái độ cương quyết đối với chủ quyền dân tộc: Trần Thái Tông sai thị thân là Bùi Khâm đến biên giới phía Bắc thanh lý[7]

Cuối năm 1241, Trần Thái Tông thân chinh đánh vào đất Tống, hòng truy diệt các toán cướp Thổ Mán và nối lại đường giao thông giữa Đại Việt với Tống. Sách Đại Việt Sử ký Toàn thư đã thuật lại cuộc hành quân này rằng:

“Vua thân hành cầm quân đi đánh các trại Vĩnh An, Vĩnh Bình của nước Tống phía đường bộ, vượt qua châu Khâm, châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, bỏ thuyền lớn ở trong cỗi, chỉ đi bằng các thuyền nhỏ Kim Phụng, Nhật Quang, Nguyệt Quang. Người châu ấy không biết là vua, đều sợ hãi chạy trốn. Đến sau biết là vua mới chằng xích sắt giữa sông để chặn đường thủy. Khi trở về, vua sai nhổ lấy vài chục cái neo đem về.”[8]

Một mặt tỏ rõ chủ quyền, mặt khác luôn giữ hòa khí đối với nhà cầm quyền phương Bắc. Năm 1242, khi đế quốc Nguyên Mông đang âm mưu mở rộng lãnh thổ về phía Nam, Trần Thái Tông tìm cách giao lưu với nhà Tống, thiết lập một liên minh bảo vệ từ xa nền an ninh toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc. Năm Mậu Ngọ năm thứ tám (1258): Vua sai sứ qua thông hiếu với nước Tống.[9]

Không chỉ quan tâm về vấn đề biên giới phía Bắc, đối với phía Nam cũng được Thái Tông để ý một cách sát sao. Vào cuối thế kỷ XII, do sự suy yếu của vương triều Lý, Chiêm Thành luôn đưa quân sang cướp phá các vùng dân ven biển của nước ta. Trần Thái Tông lên ngôi lấy đức để vỗ về, lại cho sứ sang dỗ bảo.

Để đối phó với vó ngựa xâm lăng của quân Nguyên Mông ngày một tới gần, Trần Thái Tông thực hiện một loạt các chính sách cải cách đất nước, phát triển kinh tế, tuyển chọn nhân tài, đào tạo quân sĩ, luyện tập võ nghệ, với tư thế sẵn sàng chiến đấu mọi lúc mọi nơi. Trong lúc nhà Trần đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước thì đất nước thì quân Nguyên Mông đe dọa nghiêm trọng nền độc lập của dân tộc ta. Cuối năm 1257, sứ giả của Ngột Lương Hợp Thai (tướng của nhà Nguyên) đến nước ta. Mùa Thu, tháng tám: Chủ trại Quy Hóa là Hà Khuất người chạy về tâu nói là có sứ nhà Nguyên đến.[10] Qua tháng chín: Ngột Lương Hợp Thai sai sứ đến chiều hàng Giao Chỉ, không được trả lời. Đến tháng 11, Quân Ngột Lương Hợp Thai đến đóng phía bắc Giao Chỉ, trước sai hai người sứ giả đến dụ, không trở về. Như vậy trước khi tấn công vào Đại Việt ta, kẻ thù đã ba lần cho sứ sang dụ vua Trần đầu hàng. Tiêu biểu cho một khí phách anh hùng, Trần Thái Tông cho lệnh tống giam sứ giả, cho quân ra ngăn giữ biên giới và cả nước được lệnh chuẩn bị vũ khí sẵn sàng chiến đấu.

Tháng 11, năm Đinh Tỵ (1257), đạo quân Nguyên Mông kéo sang chiêm đánh nước ta khoảng hai mươi ba vạn người theo lưu vực sông Hồng tràn vào. Trần Thái Tông đã trực tiếp chỉ huy đánh địch. Ngay những trận chiến đầu lực lượng quân giặc quá mạnh đã tấn công ồ ạt, để bảo toàn lực lượng, nhà Trần cho quân rút khỏi kinh thành, về căn cứ ở Thiên Trường, Nam Định. Quân giặc chiếm được Thăng Long, nhưng không tìm thấy một bóng người và lương thực. Chỉ sau mười hai ngày đêm đặt chân lên Đại Việt, chúng đã bị quân dân ta tấn công khốc liệt vào Độc Bộ Đầu, đánh bật ra khỏi kinh thành Thăng Long, quân giặc đã phải tháo chạy về nước. Cuộc kháng chiến đầu tiên của quân dân Đại Việt, dưới sự chỉ huy trực tiếp của vị anh minh Trần Thái Tông giành thắng lợi, đã cổ vũ tinh thần đại đoàn kết toàn dân. Cũng cố lại tinh thần để sẵn sàng chiến đấu cho những trận chiến tiếp theo với quy mô ngày càng lớn và thế giặc ngày càng mạnh hơn. Cuộc chiến đã để lại nhiều bài học quý giá, tạo ra một không khí vô cùng phấn khởi, ngập tràn tin tưởng trong lòng người dân Việt.

1.2.2. Về văn học

Bên ngoài là vị vua anh minh với lòng yêu nước thương dân vô bờ, tài chiến lược, quân sự, có nhiều cống hiến cho đất nước trong vai trò thống nhất triều đại, củng cố lòng dân, với chí hướng “lấy ý muốn thiên hạ làm ý muốn của mình” qua lời dạy của Quốc Sư Trúc Lâm, Trần Thái Tông đã tận tâm, tận lực đem hết khả năng của mình để phục vụ và phát triển đất nước. Tuy công việc triều chính nhiều bận rộn, nhưng trong những lúc rảnh rỗi, Ngài không giành thời gian để hưởng thụ những thú vui quyền quý... mà đặt cả tâm huyết của mình vào nghiên cứu giáo lý nhà Phật và soạn ra những thời khóa để tu tập thực hành. Trần Thái Tông đã sáng tác và để lại nhiều tác phẩm có giá trị trên nhiều lĩnh vực khác nhau, từ việc sáng tác thơ, văn ban tặng cho các quần thần, sứ giả cho đến việc viết sách khuyên dạy con, từ việc soạn ra nghi thức sám hối tu tập cho bản thân mình cho đến việc biên soạn, chú thích kinh điển...

Lúc còn đương triều Vua đã viết ra hàng trăm chiếu lệnh để phong thưởng cho những người có công. Ngoài ra có rất nhiều chiếu chỉ để điều hành các việc trong nước cũng như các văn thư ngoại giao với các nước Tống, Nguyên... Trong Đại Việt sử ký toàn thư ghi nhận vua Trần Thái Tông đã viết hai tác phẩm. Thứ nhất là vào mùa xuân, tháng hai, năm Tân hợi (1251) Trần Thái Tông đã viết một bài minh để dạy cho các Hoàng tử về trung hiếu, hòa tống, ôn lương, cung kiệm... thứ hai là một bài bia đề ở sinh từ của Trần Thủ Độ khi ông mất vào năm Giáp tý (Thiệu Long thứ bảy 1264). Hiện hai tác phẩm này không còn tìm thấy nữa.

Theo Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận thì Trần Thái Tông là tác giả của những tác phẩm: Thiền tông chỉ nam ca, Kinh Kim Cương tam muội chú

giải, Lục thời sám hối khoa nghi, Bình đẳng lễ sám văn, Khóa hư lục, Thái Tông thi tập.[11]Nhà vua xứng đáng là một vị thiền gia, một nhà tư tưởng, một nhà văn nhà thơ tiêu biểu cho văn học dưới thời nhà Lý - Trần nói chung và của thiền phái Trúc Lâm nói riêng.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Y Nghia Chua Phat 2

CHƯƠNG 2. ẢNH HƯỞNG TƯ TƯỞNG PHẬT TẠI TÂM TRONG TÁC PHẨM CỦA TRẦN NHÂN TÔNG

2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Phật tại tâm của Trần Thái Tông

Trong Bài tựa Thiền tông chỉ nam ghi lại sự kiện vua Trần Thái Tông trốn lên núi tu, mong cầu làm Phật, bị Thủ Độ và quần thần đưa vào hoàn cảnh khó xử, Thái Tông quay lại tỏ bày,thăm hỏi ý kiến của Quốc sư Trúc Lâm. Lúc đó Quốc sư khuyên Vua hãy trở về kinh làm tròn trách nhiệm của một đấng Quân vương theo mong muốn của thần dân thiên hạ, thì giờ rảnh rỗi thì chuyên tâm nghiên cứu nội điển, đừng buông lung.

Nghe lời khuyên của Quốc sư Trúc Lâm, Trần Thái Tông trở về kinh, chính thức lên ngôi Hoàng đế, nắm mọi quyền hành, thực hiện các chính sách cải cách đất nước. Ngài luôn ghi tâm khắc cốt những lời khai thị vàng ngọc của Quốc sư Viên Chứng lấy đó làm cương lĩnh cho đường lối trị nước và tu tập của mình. Công việc triều chính không lúc nào rảnh rỗi nhưng với lòng tha thiết hướng về đạo nhà Vua luôn tranh thủ thời gia tìm tòi, nghiên cứu, kinh kệ, tư duy những ý chỉ sâu xa của Phật dạy. Từ đó Ngài đã sáng tác và chú giải một số lượng tác phẩm Phật học đáng kể như: Khóa hư lục, Thiền tông chỉ nam, Kinh Kim Cương tam muội chú giải... Với mục đích truyền thừa giáo pháp của Đức Phật, chuyển mê khai ngộ, tiếp dẫn những thế hệ sau, báo đáp ân đức lớn lao của Đức Phật và cũng chính là Vua đang thực hiện đường lối lãnh đạo và giáo dục nhân dân của mình.

2.1.1. Khởi nguyên tư tưởng

Trong sử sách ghi lại sự kiện năm 1236 làm biến đổi toàn bộ cục diện, bối cảnh, xã hội triều đại nhà Trần và bước ngoặt đánh dấu sự trưởng thành của vị Vua trẻ Trần Thái Tông, nguyên nhân, động cơ thúc đẩy khiến ông đi tìm cầu chân lý cầu làm Phật, không cầu gì khác. Từ đó đặt nền tảng cho hệ thống tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm, chủ trương của Thiền phái hiển nhiên không ngoài “kiến tính thành Phật” như các dòng Thiền khác. Nhưng điều đặc biệt là Thiền phái

Trúc Lâm xuất phát từ tư tưởng nhận thức “Phật tại tâm” của Trần Thái Tông, từ đó cho thấy ai cũng có Phật tính và khả năng thành Phật

Trần tục mà nên, Phúc ấy càng yêu hết tấc, Sơn lâm chẳng cốc, Họa kia thực cả đồ công. (Cư trần lạc đạo)

Nghĩa là Thiền phái Trúc Lâm khuyên mọi người sống giữa trần tục này mà nên tốt đẹp, thì phước ấy đáng cho mọi người yêu quý đến tột cùng. Bằng ngược lại ở núi non mà chẳng biết đạo lý, không chỉ mang họa mà còn uổng phí công vô ích. Do đó Trần Nhân Tông dạy: Vô minh hết Bồ đề thêm sáng; phiền não rồi đạo đức càng say.[12] Chính tư tưởng này làm cho mạng mạch truyền thừa Thiền phái Trúc Lâm có nhiều mới mẻ, đặc sắc kế thừa truyền pháp bao gồm cả Thiền sư xuất gia lẫn tại gia về sau. Khởi nguồn của tư tưởng ấy được ghi lại trong bài tựa Thiền tông chỉ nam của Vua Trần Thái Tông như sau: “Vả lại, thuở Trẫm còn niên thiếu có chút ít hiểu biết, vừa nghe lời dạy của Thiền sư thì tâm tư lóng lạng, bỗng dưng thanh tịnh; nên để tâm nơi nội giáo, tham cứu Thiền tông, dốc lòng tìm thấy, chí thành mộ đạo. Tuy ý hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt. Năm mười sáu tuổi, Thái Hậu đã chán cõi đời, Trẫm nằm rơm gối đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng, ngoài nỗi đau buồn này, đâu rảnh nghĩ việc khác. Chỉ vài năm sau, Thái Tổ Hoàng Đế cũng băng hà. Lòng thương mẹ chưa nguôi, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được. Trẫm nghĩ công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vỗ về không thiếu điều gì, dù con phải xương tan thịt nát vẫn chưa đủ đáp đền trong muôn một, (...) Ta suy đi nghĩ lại, chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sinh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hay hơn sao? Thế là chí Trẫm đã quyết?”[13]

Đoạn văn trên đã cho chúng ta thấy được cái nguyên nhân của động cơ thúc đẩy khiến Vua đi tìm chân lý. Thái Tông nói rằng: Thuở nhỏ lúc còn niên thiếu có chút hiểu biết nên nghe lời dạy của Thiền sư tâm Ngài liền lóng lạng, có sự rung động nên đã sớm có ý hướng về nội giáo, tức hướng về giáo pháp của Phật, cụ thể ở đây là Thiền tông. Nhưng Thái Tông cũng thú nhận rằng tuy lúc đó ý chí hồi hướng đã nảy mầm mà cơ cảm chưa thấu suốt, tuy đã có ý hướng nhưng rốt cuộc chỉ là một ý hướng rất mong manh, yếu ớt chưa đạt được cái cảm xúc mãnh liệt đối với Đạo. Chính cái cảm xúc ấy mới là thực nghiệm, mới là sự quyết định làm thay đổi tâm tính con người, hình thành nên một hệ thống tư tưởng của tác giả.

Trải qua một đoạn đường vô cùng gian nan, hiểm trở, đối với người thường việc khó làm, huống gì Thái Tông từ nhỏ đã lên làm vua, sống trong nhung lụa - Ta thấy thấy ý chí nhà Vua rất cương quyết mới làm được việc phi thường như vậy. Gặp được Quốc sư Viên Chứng ngay sáng hôm sau trên rừng thiêng Yên Tử, vẫn

phong thái ung dung, tiêu dao thoát tục, vừa thấy Vua, Quốc sư mừng rỡ, ung dung bảo: “Lão Tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay Bệ Hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay Bệ Hạ mong cầu điều gì mà đến đây?” Trẫm nghe nói, hai hàng nước mắt tự tràn, đáp lại Sư rằng: “Trẫm còn thơ ấu vội mất hai thân, bơ vơ đứng trên sĩ dân không chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc Đế Vương đời trước, thanh suy không thường, cho nên Trẫm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác”[14]

Theo lời của Trần Thái Tông, vào núi đi tu là vì muốn cầu làm Phật để giải quyết việc lớn sinh tử và báo đáp công ơn cha mẹ. Nếu thật như thế thì tại sao Vua không đường đường chính chính đi tu, mà giữa đêm hoang vắng lại phải bỏ trốn để đi? Và khi nghe Quốc sư Viên Chứng hỏi sao lòng đau đớn, nước mắt tự tràn như vậy? Chắc hẳn trong lòng của vị Vua trẻ chất chứa nhiều nỗi niềm u uất, không thể giải bày cùng ai. Nên mới tìm vào chốn núi rừng để giải bày tâm trạng, quên đi bao sự buồn phiền, chứ không đơn thuần muốn cầu làm Phật để giải quyết việc lớn sinh tử và báo đáp công ơn cha mẹ. Bằng chứng cụ thể trong sử sách ghi lại như sau: Đinh Dậu năm thứ sáu (1237), tháng giêng, mùa Xuân lấy công chúa Thuận Thiên, vợ của anh Hoài Vương Liễu, lập làm Hoàng Hậu Thuận Thiên, giáng Chiêu Thánh làm Công chúa. Bấy giờ Chiêu Thánh không có con, mà Thuận Thiên thì có mang Quốc Khang ba tháng. Trần Thủ Độ và Công chúa Thiên Cực mật mưu với Vua là nên mạo nhận lấy đó để nhờ về sau, cho nên có mệnh ấy. Do đó Trần Liễu liền họp quân ra sông cái làm loạn. Vua trong lòng áy náy, đêm ra khỏi thành đến ở Phù Vân Quốc sư (Quốc sư là bạn cũ của Vua Thái Tông) ở núi Yên Tử. Ngày hôm sau Thủ Độ đem các quan đến đón Vua về kinh sư. Vua nói: “Trẫm còn trẻ tuổi chưa cáng đáng nổi việc nặng nề, Phụ Hoàng đã vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy không dám ở ngôi Vua mà làm nhục xã tắc”[15]. Trần Thái Tông đã đối diện với cái khổ tội cùng của mình trong mọi hoàn cảnh, không chỉ nhận thức được cái khổ của riêng bản thân, mà còn nhận ra cả bản chất khổ của cuộc đời. Trần Thái Tông đến với đạo Phật trong trạng thái trốn chạy thực tại trong cuộc sống.

Chữ Phật mà Vua muốn tìm cầu ở đây chính là thực thể, tồn tại vĩnh cửu, đồng nhất giữa cá nhân và vũ trụ. Tức là Phật tính tiềm tàng trong nhân tính, vượt qua cái sống chết bình thường của con người. Khi trở về được với Phật bản tính thường hằng, thì chắc hẳn sẽ rõ được cội nguồn sinh tử và vượt qua được quy luật sống chết mà bất kỳ ai cũng mong muốn thoát ra.

2.1.2. Giác ngộ Phật tính

Sau khi vua lánh lên núi Yên Tử để tìm cầu Phật “Tu cầu làm Phật, chẳng toan sự nào”. Nay tôi vào núi sâu này, chỉ mong tu làm Phật không tính chuyện gì khác. Như thế chúng ta có thể thấy được bề sâu của tâm trạng khủng hoảng, mất niềm tin ở nơi luân thường đạo lý. Thái Tông đã quyết chí tìm phương cách giải quyết một cách triệt để bằng một đòi hỏi sâu rộng, có tuyệt đối không? Nếu Phật là tuyệt đối, có thể cho ta thấy được không? Có lẽ Thái Tông cũng đã ở cái tâm trạng đòi hỏi một niềm tin vững chắc như bao nhiêu người. Để giải quyết nỗi lòng phân vân đau khổ, không đường tiến thoái. Quốc Sư Phù Vân đã trả lời cho Thái Tông “Trong núi vốn không có Phật tính chỉ tồn tại ở trong tâm người ta, tâm yên lặng mà thấu biết thì gọi tâm là Phật chân thực. Nay nhà vua nếu giác ngộ được cái tâm ấy thì liền thành Phật ngay, khỏi khổ sở tìm ở bên ngoài tâm mình” .

Câu trả lời thật dứt khoát và đanh thép của một bậc đắc đạo vô tư, có khả năng cảm thông với lòng người khác, nên đã có thể tự đặt mình vào cảnh ngộ của người khác không chủ quan cố kéo về mình. Nếu thành thực cầu tìm chân lý để giải quyết mối tương tranh trong tâm hồn, thì chân lý ấy phải là chân lý sống động cụ thể không khái niệm trừu tượng. Chân lý ấy nếu có phải phổ biến đại đồng, ứng dụng thiết thực cho tất cả cảnh ngộ, cho nhà vua đứng lãnh đạo nhân dân, cũng như cho nhà sư sống ngoài xã hội trong thiên nhiên.

Nếu bảo rằng thế giới này thật có, thì hạt cát cũng thật có. Nếu chủ trương thế giới này không thì một hình tướng cũng là không có. Có hay không khác nào như trăng trên trời với ánh trăng ở các làn nước, cả hai cùng có, cùng không, cho nên chớ có chấp cái không có ấy là không.

Bởi vậy, trước khi tìm Phật coi như thực tại tuyệt đối, bản thể vũ trụ ở đâu xa bên ngoài thì hãy tìm ngay ở tại bản tâm nhỏ bé của mình, cũng như Mạnh Tử chủ trương: “Nguyên lý tạo vật có đủ ở ta, trở về bản thân mà thực hiện, không nguồn lạc thú nào bằng”. Đây là ý nghĩa Phật tức tâm nghĩa là Phật là nguồn của cái biết, là cái ý thức bản thể của ý thức sự vật hay là ý thức tác dụng cho nên bảo “tâm tịch nhi tri” tâm thể yên lặng trong sáng mà biết, đây là cái toàn diện của tâm bao hàm cả tính, ý và trí. Cái tâm ấy là Bát Nhã, là cái thể Đồng nhất của vũ trụ vậy. Một khi thấy được, giác ngộ được tâm ấy thì thấy được chân tướng của vũ trụ, thấy được nguyên lý của Chân, Thiện, Mỹ, không còn phân vân đau khổ nữa, mà vững chắc đứng lên trên cả quan điểm thông thường của người đời, về chân, giả, thiện, ác, mỹ, ố tương đối. Cái ấy không có trong hay ngoài, không bị điều kiện thời gian không gian chi phối, là bản thể siêu nhiên, cho nên không phải đi tìm đâu cả, bất cứ ở đâu cũng tìm thấy được “vô khổ ngoại cầu” không phải khổ sở đi tìm ở ngoài tâm mình, vì tuyệt đối còn là đối tượng cho một ý thức tìm hiểu nào thì không còn là tuyệt đối nữa. Đã gọi là tuyệt đối thì không lệ thuộc vào thời gian và không gian, làm sao có thể ở trong

hay ở ngoài được.

Qua lời giải đáp ấy của Quốc Sư Phù Vân, chúng ta thấy nhà xuất thế gian này là bậc đại đạt đạo lý thiên tông, không còn chấp vào hình thức xuất hay nhập, vô vi hay hữu vi, mà cốt ở tinh thần thực hiện mà thôi. Bởi vậy, Quốc Sư đã đặt mình vào địa vị của nhà vua để chỉ bảo con đường thực hiện ở vai trò và hoàn cảnh của vị nhân chủ để nhập thế hữu vi: “Phàm làm bậc nhân quân thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về thì bệ hạ không về sao được! Duy có việc nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng chút xao lãng mà thôi.”

Đó là sự dung hoà giữa con đường xuất thế lẫn nhập thế, bởi thế mà Quốc Sư Phù Vân mới dặn dò nhà vua không nên quên việc cứu xét nội điển trong khi hành động theo ý muốn của thiên hạ, lấy tâm thiên hạ làm tâm mình tức là quên mình cho tha nhân. Qua những lời dạy trên của Quốc Sư Phù Vân mà Thái Tông đã ngộ được Phật tính mà lâu nay Ông đã đi tìm cầu. “Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm”. Qua đó ta thấy được tâm huyết của một vị Vua luôn tận tâm hy sinh cho đạo và cống hiến cho đời bằng cả trái tim và cả trí óc của mình. Có thể nói giai đoạn ngộ nhập Thiền cơ của vua Trần Thái Tông là sự tiếp nối kế thừa tư tưởng của các vị Thiền sư thời Lý, đồng thời mở ra khắp các tầng lớp Vua chúa đến nhân dân, không còn gói gọn trong Mô-típ của các vị xuất gia như những giai đoạn trước đó, mà trên tinh thần “phổ biến đại đồng”. Với chính sách lấy đạo Phật làm chủ đạo cho tinh thần văn hóa, chính trị và đường lối, chính sách quốc gia, đồng thời tiếp thu có chọn lọc, dung hòa Nho giáo và những thành tựu của văn minh Trung Hoa từ đó làm cơ sở để xây dựng và phát triển đất nước.

2.1.3. Cảnh giới giác ngộ của Trần Thái Tông

Khi bàn về cảnh giới giác ngộ, trong bài Niệm Phật luận của Trần Thái Tông viết “Tâm tức thị Phật, bất giả tu thêm. Niệm tức thị trấn bất dung nhất điểm, trần niệm bản tĩnh, cố viết như như bất động, tức thị Phật thân. Phật thân tức ngã thị thân thị, vô hữu nhị tướng. Tướng tướng vô nhị, tịch nhiên thường tồn, tôn nhi bất tri, thị danh hoạt Phật.”(Tâm tức là Phật, không muốn sự thêm vào. Ý niệm là bụi, không dung một điểm nào ở trong tâm ấy, ở đấy vốn trong sạch bụi nhơ, cho nên bao giờ cũng như thế không vang động gọi là Như như, tức là thể của Phật. Thực thể Phật thế nào thì thực thể ngã như thế, không có hai hình tướng. Hình tướng và hình tướng không có hai, yên lặng còn luôn mà không biết, thế là Phật sống).[16]

Sự chuyển hóa trong tâm thức của mỗi con người có thể tự trực nhận và chứng đắc. Tâm Phật và tâm chúng sinh chẳng khác. Chân lý thực tại chẳng ở đâu xa,

ở ngay trong tâm thức mỗi cá nhân hiện hữu. Con đường bước vào cảnh giới giác ngộ không gì khác hơn trở về tự tính chân như.

Qua Khóa hư lục, Trần Thái Tông thể hiện sự chứng ngộ của mình về bản thể chân như, những thực chứng về Thiền vô cùng sâu sắc. Sáng tác của Ngài thể hiện sự tĩnh tại trong tâm hồn, thấu triệt mọi sự hư ảo, thịnh suy của cuộc đời. Trong Phổ khuyến phát Bồ đề tâm, Ngài đã khẳng định một cách dứt khoát: Nếu hay chiếu sáng rọi về, liền được thấy tánh mà thành Phật. Tuệ Trung Thượng Sĩ trong cuốn Thượng Sĩ ngữ lục cho rằng: Khi mê không biết ta là Phật. Trần Nhân Tông trong Cư trần lạc đạo phú cũng viết: Vậy mới hay! Bụt ở trong nhà, chẳng phải tìm xa, nhân khuây bản nên ta tìm Bụt, đến cốc hay chĩnh Bụt là ta. Tại đây các nhà Phật học, các Thiền sư chứng ngộ đời Trần đã thẳng thắn tuyên bố Phật và chúng sinh không khác. Bản tánh con người của chúng ta là Phật, còn con người ngũ uẩn, tứ đại mà chúng ta tưởng thật với cái tâm phân biệt của tham, sân, si lại là con người giả. Qua đó các Ngài nhắc nhở chúng ta mỗi người cần phải trở về với “Phật tánh”, trở về với con người thật của chính mình.

Qua những gì mà Trần Thái Tông đã thể nghiệm, chúng đắc và đã chỉ ra cho chúng ta thấy được sự thật vừa tinh tế vừa sâu sắc về cái sắc thân giả tạm này do tứ đại tạo thành, nhưng sâu bên trong nó là một chân tâm thanh tịnh, bất di bất dịch, trường tồn.

2.2. Nội dung tư tưởng Phật tại tâm của Trần Thái Tông

Khi nói đến lịch sử Phật giáo Việt Nam chúng ta không thể không nhắc đến Phật giáo thời Lý - Trần, có thể nói đây là hai triều đại vàng son trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Hầu hết những vị vua của hai triều đại này đều uyên thâm Phật pháp, các Ngài đã làm tròn cả hai nhiệm vụ đạo và đời, làm cho nước nhà phát triển rực rỡ, vẻ vang. Điểm nổi bật trong giai đoạn này là các Thiền sư là những vị Quốc sư của đất nước, cố vấn cho vua và đặc biệt các vị vua lại là những vị Thiền sư đắc đạo, lỗi lạc.

Đời Lý thấm nhuần Đạo Phật mà chủ yếu là Thiền tông, một triều đại sản sinh ra rất nhiều bậc long tượng cho Phật giáo và đất nước, được các nhà lịch sử đánh giá và ghi nhận. Tuy nhiên về cuối đời Lý cùng với sự đi xuống của triều đại, Phật giáo trí tuệ theo các Thiền sư lùi vào rừng núi với hai chữ “tùy duyên”. Khiến trí tuệ vắng mặt ở đời, tín ngưỡng dân gian, cùng tín ngưỡng ma thuật, mê tín phát triển nhanh chóng, cộng với sự hỗn tạp về chính trị, xã hội về nên bối cảnh suy tàn của thời hậu Lý. Nhờ sự nhạy bén, biết nắm thời cơ của Trần Thủ Độ mà nhà Lý chuyển sang nhà Trần một cách hòa bình, liên tục, nhân dân được thái bình, quốc gia cường thịnh, phát triển. Phật giáo Thiền tông hội nhập, mở ra một kỷ nguyên mới, đây là những yếu tố đặc sắc của Phật giáo đời

Trần, tiếp nối kế thừa “tư tưởng nhập thế” và “tam giáo đồng nguyên” được hội tụ từ triều Lý với sắc thái mạnh mẽ. Đặc biệt là các vị vua được mệnh danh là Bó đuốc sáng của Thiền học Việt Nam - Trần Thái tông.

2.2.1. Về tư tưởng nhập thế

Đức Phật dạy: “Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật” y theo tinh thần ấy Viên Chứng quốc sư đã nhắn nhủ Thái Tông: “Phàm làm vua phải lấy ý kiến của nhân dân làm ý muốn của mình” và “Phật ở tại tâm”, một chủ trương của Thái sư “lấy thân dẫn đường cho thiên hạ”, thấy người trong nước không có ý bỏ mình, vâng lời dạy, Thái Tông mới quyết theo con đường dung hoà hay vừa nhập thế, vừa xuất thế, vừa hành, vừa tri của Quốc sư khuyên nhủ, Thái Tông đem Đạo vào đời, tích cực phục vụ nhân dân cùng lúc với việc tham thiền học Đạo. Bởi ông biết rất rõ đạo không thể xa người, đạo phải được sống, được thể nghiệm ngay trong lòng cuộc đời, người Phật tử phải lấy chúng sinh làm đối tượng phụng sự, vì quán triệt lẽ đó mà Thái Tông sẵn sàng quên mình để lo cho nước, cho dân.

Chính vì tinh thần tư tưởng nhập thế của đạo Phật mà Trần Thái Tông đã xây dựng xã hội Việt Nam hùng cường, vững mạnh từ mặt văn hóa xã hội đến chính trị quốc phòng, gây tiếng vang muôn đời vọng mãi. Sự khéo léo vận dụng tư tưởng Phật tại tâm, lấy ý muốn thiên hạ làm ý muốn của mình trong đường lối chính trị, hướng nội và dụng công tu tập khiến cho tinh thần đạo Phật lan tỏa khắp bầu trời Đại Việt.

Từ quan niệm về Phật: Phật tại tâm, lòng lặng mà biết, đó là Phật, Phật luôn hiện hữu trong cõi đời này. Xuất phát từ tư tưởng, niềm tin của Trần Thái Tông, con người Đại Việt dưới đời Trần ý thức được Phật không ở đâu xa, do đó trở về sống với tâm thanh tịnh, sống với Phật tánh của chính mình. Từ đó hình thành một xã hội an bình, hạnh phúc. Mọi người luôn sống trong chính pháp và thực tập theo lời Phật dạy

Đây cũng chính là tinh thần nhập thế tích cực của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung. Với tinh thần khai phóng, con người Đại Việt dưới đời Trần là con người bao dung, rộng mở. Trong bối cảnh đó họ biết rèn đức, luyện tài, tu thân, trau dồi đạo đức để trở thành người có ích cho đất nước, tích cực tham gia hòa mình vào cuộc sống:

“Sạch giới lòng, chùi giới tướng, Nội ngoại nên Bồ Tát trang nghiêm. Ngay thờ chúa, thảo thờ cha, Đi đố mới trượng phu trung hiếu.” (Trần Nhân Tông, Cư trần lạc đạo)

Trần Thái Tông đã cống hiến cả đời mình cho nước cho nước cho dân, viết lên những trang sử hào hùng của dân tộc, xây dựng một quốc gia Đại Việt lớn mạnh và phát triển trên tất cả mọi mặt của đời sống xã hội. Sự nghiệp vĩ đại và nhân cách cao quý những vị vua đời Trần đều chịu ảnh hưởng tư tưởng “nhập thế” của Quốc sư Viên Chứng, mà cả cuộc đời làm vua, tu Thiền của Trần Thái Tông chính là sự minh chứng xác thực và sinh động nhất cho tinh thần ấy. Thật cao quý thay một tấm lòng tùy thuận, tùy duyên giáo hóa chúng sinh, ứng cơ tiếp vật, suốt cả cuộc đời không hề mệt mỏi vì lợi lạc quần sinh.

Từ đó ta có thể khẳng định, Phật giáo đời Trần là Phật giáo luôn đề cao tính thực tiễn, mang tính nhập thế, tích cực được các Vua chúa, Quân sự, Quốc sư, Thiền sư... đề cao, trân trọng, ứng dụng vào mọi phương đời sống một cách ổn định lâu dài.

2.2.2. Quan niệm về Tam giáo đồng nguyên

Do sự ảnh hưởng qua lại của các hệ tư tưởng triết học, dẫn đến vấn đề giao lưu văn hóa là một vấn đề mang tính tất yếu. Mối tương quan giữa Đạo Phật (Ấn Độ) và Nho giáo - Lão giáo (Trung Quốc), vốn được xem là nền tảng văn minh nhân loại cũng không ngoài quy luật này. Trong lịch sử văn hóa Trung Quốc mối quan hệ giữa ba nền tư tưởng này có nhiều chiều hướng: có giao lưu, có điều hòa, có tiếp biến, thậm chí có tranh phân. Những xu hướng chủ yếu mà các bậc Đế vương chủ đạo vẫn là xu hướng điều hòa, dung hợp.

Khi tư tưởng Tam giáo truyền vào nước ta, dân tộc ta nhanh chóng tiếp thu, chọn lọc và dung hòa tư tưởng này với những nét văn hóa truyền thống tâm linh vực văn hóa bản địa. Tạo nên một nền văn hóa độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc, khu biệt với nền văn hóa của những dân tộc khác, kể cả những quốc gia sản sinh ra hệ tư tưởng này như Trung Quốc, Ấn Độ.

Ảnh hưởng của tư tưởng Tam giáo còn thể hiện đậm nét qua các tác phẩm văn học đầu tiên của tinh hoa văn hóa Việt cũng được xem là tinh hoa của nhân loại: Từ thế kỷ thứ hai Mâu Bác đã viết tác phẩm Lý Hoặc Luận (khoảng 195 - 198). Đây là tác phẩm đầu tiên ở Việt Nam bàn về mối quan hệ giữa ba hệ tư tưởng - Đạo - Nho. Trong tác phẩm Đạo Cao pháp sư tập (khoảng 450-460) của Đạo Cao mang nội dung bàn về vấn đề của Tam giáo nhưng hiện nay sách không còn[17]. Qua đó ta thấy mối quan hệ giữa Phật, Đạo và Nho đã trở thành vấn đề được xã hội đương thời hết sức quan tâm.

Đối với Phật giáo: Mùa Xuân, tháng giêng 1250, Trần Thái Tông: Cho trùng tu chùa Diên Hựu, xuống chiếu vẫn làm ở nền cũ[18]. Cùng lúc xuống chiếu trùng tu chùa Diên Hựu vua Trần Thái Tông nhờ Đạo sĩ cung Thái Thanh tên Thập cầu tự cho vua để có Hoàng tử thứ sáu là Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật. Nguyên

Phong năm thứ sáu (1256), Vua hạ sắc chỉ cho đúc đến 330 quả chuông để treo ở các chùa; năm Thiệu Long thứ năm (1262), Thái thượng hoàng hạ sắc chỉ dụ cho xây chùa Phổ Minh ở phía tây điện Thiên Trường. Nho giáo dưới triều đại nhà Trần có nền móng vững chắc, từ vua quan đến các tầng lớp đặc biệt là trí thức có hiểu biết sâu rộng, làm được nhiều việc có lợi cho nước nhà.

Lịch sử nhà Trần cũng là lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc, ba lần đánh thắng giặc Nguyên - Mông đội quân thiện chiến, bách chiến bách thắng trên chiến trường Á - Âu, nhưng lại thê thảm khi đặt chân lên xâm lược Đại Việt. Đó là do tình thân và bản lĩnh của người dân Đại Việt và sự chỉ đạo tài tình của các bậc đế vương, tướng soái cùng sự đoàn kết của toàn dân tộc theo chủ chương của Trần Thái Tông, dung hòa ba đạo, nhằm tạo sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó là nghĩa cử cao đẹp, vô tư, vì ngài không dành riêng quyền độc tôn ưu ái cho Phật giáo mà dung hòa cả ba nên tư tưởng trong đường lối chính trị của mình.

2.2.3. Trần Thái Tông đối với đời và Đạo

Đối với đời

Trong gia đình, dòng họ Trần, Ngài là người con chí hiếu, với lòng yêu thương và biết ơn cha mẹ vô cùng sâu sắc, khi phải đối diện với cái chết của cha và mẹ, tâm trạng của Ngài đau khổ đến tột cùng khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng... Trần Thái Tông là tấm gương mẫu mực về người con chí hiếu, rất đáng để chúng ta học hỏi, noi theo.

Đối với chú bác, Trần Thái Tông có một lối sống rất hòa hợp, lễ độ. Mặc dù Thủ Độ dựng lên cuộc đời Ngài một bi kịch đau thương, nhưng Ngài vẫn kính trọng và không hề oán trách. Đối với anh em Ngài luôn thuận thảo, yêu thương. Đối với bề tôi Ngài luôn yêu thương, tin cậy, ngay cả những kẻ có ý đồ phản nghịch, thất trách Vua vẫn sẵn sàng tha thứ và cho cơ hội về quay đầu sửa chữa.

Đối với quốc gia, xã tắc Ngài là vị vua anh minh, khoan dung, độ lượng, lấy đức cai trị nhân dân vì vậy được nhân dân tin yêu, quần thần nể trọng. Vua luôn đặt nặng trách nhiệm của mình phục vụ đất nước, không hưởng thụ dục lạc, không về hiềm người mà luôn ôn nhu, khiêm tốn. Khi đất nước trong cảnh dầu sôi, vua thân chinh cầm quân dẹp loạn, củng cố lòng dân, tướng sĩ.

Đối với Đạo

Đối với đạo Ngài luôn cần mẫn, tinh chuyên, dù ngồi trên ngai vàng với trọng trách nặng nề lo cho bá tánh không có thời gian tranh thủ thì giờ để nghiên cứu kinh sách và tu tập cho riêng mình. Sức tinh luyện của ngài thật đáng nể trọng,

là tấm gương sáng ngời cho hậu thế noi theo. Nhờ sự tinh chuyên, khổ nhọc, cần mẫn tháng ngày mà Trần Thái Tông có sở học rộng lớn, không những am tường cả tam giáo, mà các lĩnh chính trị, xã hội... Vua đều thấy triệt.

Do sự nỗ lực thực tập, hành trì Trần Thái Tông đã gặt hái được nhiều kết quả trên con đường tu tập của mình. Ngài sáng tác nhiều thơ văn thể hiện sự trải nghiệm, thấu triệt triết lý của vạn pháp, tác phẩm của Ngài ẩn tàng, chuyên chở những triết lý sâu xa, đóng góp cho kho tàng văn hóa Phật giáo những tác phẩm có giá trị lớn. Ngài thật sự là người hoàn thành cả hai trách nhiệm đời và đạo một cách viên dung, xứng đáng là vị Vua anh minh, người Phật tử thuận thành, Ngài là niềm tự hào muôn đời của người dân Đại Việt.

2.3. Sự thể hiện tư tưởng trong tác phẩm

2.3.1. Phương thức niệm Phật

Quan điểm của vua Trần Thái Tông coi phiền não như những khách trần, tức những bụi bặm bên ngoài, mà coi người xuông phải trong cuộc sống của mình. Chính chúng đã tạo nên những mặt xấu của tâm thức, mà ta đã đề cập tới ở trên, chúng làm trở ngại cuộc sống an lạc của mỗi người. Trong bài niệm Phật luận vua Trần Thái Tông xác định ngay niệm với ý nghĩ nhớ, nghĩ là một thứ bụi bặm bên ngoài, dù bản thân nó do tâm dấy lên và có thể chủ động xử lý chúng: “Tâm khởi điều thiện tức là niệm thiện, niệm thiện khởi thì thiện nghiệp báo lại. Tâm khởi điều ác là niệm ác, niệm ác nầy sinh thì ác nghiệp ứng theo. Như gương hiện ảnh, như bóng theo hình.” Vua Trần Thái Tông đưa ra ba cách thức khác nhau của phương pháp niệm Phật. Cách thức thứ nhất là dành cho những bậc thượng trí, do có hiểu biết tâm mình chính là Phật và các ý niệm chính là bụi bặm bên ngoài. Những bậc thượng trí có hiểu biết tận thâm thẳm của cội nguồn căn nguyên của bản thức về Phật tính, không bên ngoài, không hướng ngoại tìm cầu, mà ở ngay tại tâm thức nội tâm phát ra, như thế thì chính họ là những bậc giác ngộ, những vị hoạt Phật đang tồn tại trong cuộc đời trần thế.

Niệm Phật đối với bậc trung trí tức là bậc có trí tuệ bậc trung trung. Những người này phải huy động ý chí của mình, dùng niệm thiện để đẩy lùi niệm ác, phát huy mặt tốt để đẩy lùi, đè bẹp và thủ tiêu mặt xấu, để cuối cùng cũng đạt được trình độ như người trí tuệ cao hơn: “Bậc trung trí ắt nhờ vào niệm Phật, chú ý tinh cần, niệm niệm không quên thì tâm mình thuần thiện, niệm thiện đã hiện thì niệm ác liền tiêu, niệm ác đã tiêu thì chỉ còn niệm thiện. Dùng niệm mà ý thức về niệm thì niệm niệm đều diệt. Khi niệm đã diệt ắt sẽ về chính đạo, lúc mệnh hết qua đời sẽ được niềm vui cõi niết bàn. Thường lạc ngã tịnh là đạo của Phật.”

Niệm Phật đối với người có mức trí tuệ thấp hơn, đối với những người này niệm Phật là để thoả mãn một số mong ước.

Cho nên Ngài dạy được thân người đã là cái khó nếu ba nghiệp Không chuyên tâm niệm Phật, thực hành thiện pháp, sẽ tạo vô số tội lỗi, trở thành ác nghiệp nặng nề, khó có thể sinh thoát khỏi sự trói buộc, khổ đau của kiếp người. Vậy muốn tu tập, niệm Phật thì nên lấy phương pháp tu niệm của người hạ trí để thực hành, bởi vì đó là phương pháp căn bản và đơn giản nhất, chỉ cần định tâm nhiếp ý niệm Phật thì sẽ gặt hái được nhiều kết quả.

2.3.2. Phương thức lễ sám

Niệm Phật đối với người có mức trí tuệ thấp hơn, đối với những người này niệm Phật là để thoả mãn một số mong ước. Tuy nhiên, dù dễ thực hành và phổ biến đến đâu, phương thức niệm Phật cũng có những hạn chế, vì nó có thể hợp với người này nhưng không như thế với người khác, hoặc cũng có thể có người muốn thực hành cả ba phương thức một lúc để hỗ trợ cho nhau. Vua Trần Thái Tông đã đưa ra phương thức lễ sám theo sáu thời bao gồm buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối, nửa đêm, và khuya. Việc chia lễ sám làm sáu thời như thế là nhằm phục vụ cho việc sám hối sáu căn của con người, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý “Phàm những nghiệp chướng tích tụ đều do sáu căn tạo thành”.

Trong cuộc sống của mình, con người bị chi phối bởi nhiều hoàn cảnh tạo ra cuộc sống hiện sinh. Nên dễ quên chính bản thân mình, tức quên mất nguyên lai Phật tính nội tại, đánh mất chính mình trong cuộc chạy đua với buồn vui giận ghét và nhiều cảm xúc cũng như tính toán lẫn lộn khác trong thế giới ảo hoá này. Trong cuộc chạy đua phù du ảo tưởng ấy, sáu bộ phận có tác động to lớn đến sự thành bại của cuộc đua. Đó là sáu giác quan, hay là sáu căn tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Con người nhờ sáu giác quan này mà có thể tồn tại, cảm nhận và đối phó với chính mình và thế giới khách quan. Nhưng cũng chính từ sáu giác quan đó, con người có thể đánh mất chính mình, để đưa tới kết quả mà bài “Phổ Thuyết Sắc Thân” dẫn trên đã nói: “Mắt bị sắc lôi lên núi kiếm, tai theo tiếng gọi đến rừng đao, đầu mũi ngửi khói tanh hôi trong lưỡi ngậm hôn sắc nóng. Thân khiếp sợ đồng sôi tưới tắm, ý chua cay vạc lửa nấu nung. Trần gian dù trăm tuổi trăm năm, địa ngục mới một ngày một tối.”

Như vậy, vua Trần Thái Tông hướng dẫn và khuyên mọi người ngày đêm sáu thời nên chuyên tâm lễ sám để tiêu trừ nghiệp chướng do sáu căn tiếp xúc với sáu trần trong cuộc sống lo toan hàng ngày, mục đích của cuộc sống ấy chỉ để tạo nên những thứ vật chất ảo hoá không thật, cứ như thế khác nào là con ma dẫn dụ ta mãi mãi say đắm trong hưởng thụ dục lạc của trần thế nhân sinh, đi vào cõi luân hồi u ám không thấy được ánh sáng của tri thức giải thoát, quên

đường lạc lối, rơi vào bóng tối hố thẳm, chơi vơi không có chỗ bám víu, nếu không biết dừng lại, phản tỉnh lại nơi chính nội tâm của mình, hướng thượng tự biết ăn năn sám hối để tiêu trừ bớt nghiệp chướng do tham sân si tác thành.

2.3.3. Phương thức Thiền

Nếu lễ sám tạo cho người ta sự tỉnh giác thường trực đối với những sinh hoạt hằng ngày của chính mình thì phương thức sẽ giúp đẩy những tỉnh giác đó lên cực điểm, tạo nên một cuộc bùng nổ ý thức làm cho ta nhận ra bộ mặt xưa nay của chính bản thân mình. Đó là sự giác ngộ. Song, thiền có nhiều cách, từ những cách đơn giản nhất như đếm hơi thở, cho đến những cách phức tạp nhất như suy niệm về công án.

Đối với vua Trần Thái Tông Giới, Định, Tuệ là ba mặt của một thể thống nhất, là đời sống đạo, chúng gắn bó với nhau để tạo nên một đời sống ấy một cách chặt chẽ không thể tách rời được. Điều này cũng dễ hiểu thôi. Người ta không thể thiền định được nếu tự bản thân không chấp hành một số kỷ luật đã quy định, ngược lại người ta chấp hành kỷ luật là nhằm phục vụ cho việc thành tựu một số công việc nào đó mà họ đang và sẽ thực thi. Từ sự thành tựu của công việc đó, người ta sẽ có những nhận thức mới. Nói như Giới Định Tuệ Luận: “Giới là trừ bỏ bản ác độc, Định là trừ bỏ bản trói buộc, Tuệ là trừ bỏ bản sai khiến”. Nhiệm vụ của chúng ta là xây dựng một con đường thuần túy mang bản chất của từ bi và giải thoát. Giới là đoạn thiện đầu, định là đoạn thiện giữa, tuệ là đoạn thiện cuối của con đường ấy.

Về giới, vua Trần Thái Tông xác định có vai trò rất quan trọng trong đời sống Phật giáo. “Tịnh giới tiếng phạn là ba la để mặc xoa, ba đời các đức Phật sở dĩ thành Phật đều không thể vượt qua tịnh giới ấy được”. Giới quan trọng đối với đời sống tu tập cho cả tăng lẫn tục, nhưng nếu hành giả không thiền định thì dù giữ giới cũng không thể giác ngộ được. Vì luôn bị sai quấy bởi những phiền não do sáu căn tiếp xúc với sáu trần trong sinh hoạt hằng ngày, phát sinh ra ma chướng tâm, không thể an định trong tâm thức được, thì làm gì có giải thoát và đời sống an lạc hạnh phúc.

Tóm lại, dù bằng phương thức niệm Phật, lễ sám hay thiền định vua Trần Thái Tông cũng muốn trình bày cho chúng ta những cách thức thực hiện theo phong cách thiền mà nhà vua quy định và những gì ta đã nói ở trên cho thấy rõ một phần nào phong cách ấy. Nó phản ánh không chỉ đời sống đạo của người Phật giáo Đại Việt vào thời đại ấy, mà còn phản ánh cả đời sống học thuật của dân tộc ta. Đó là làm sao cho ý muốn, cho tấm lòng của những người dân Đại Việt thời ấy có những nét tươi sáng và dễ chịu hơn.

C. KẾT LUẬN

Chẳng phải tạo hóa tự nhiên sản sinh ra một bậc kỳ tài cho đất nước! Mà bởi vì lòng nhân từ, bao dung của một con người trước những biến cố của cuộc đời không hề oán trách ai, chỉ tự mình muốn tìm giá trị tâm linh cao quý để giải quyết những bế tắc, khổ đau của kiếp người. Từ đó đã rèn luyện ra một bậc kỳ tài, một vị vua anh minh, đầy sức sống và nhuệ khí - Trần Thái Tông. Đó là sự kiện đêm mừng ba, tháng tư năm 1236, một dáng người vẻ thư sinh nho nhã băng qua bao núi rừng hiểm trở mới đến được đỉnh núi Yên Tử uy hùng với ý chí mong cầu làm Phật. Cũng chính trong rừng thiêng Yên Tử, Thái Tông đã lĩnh hội được chân lý Phật Đà qua lời dạy của Quốc sư Viên Chứng: Phật không ở đâu xa mà ngay chính tại tâm mình, chỉ cần quay đầu nhìn lại sẽ thấy Phật tính nhiệm mầu luôn hiện hữu. Trần Thái Tông trở về kinh chính thức lên ngôi vua, xây dựng một quốc gia hùng cường và phát triển. Thực hiện các chính sách cải cách đất nước, phát triển kinh tế, trú trọng giáo dục khoa cử, tìm những người tài giỏi để phục vụ đất nước, bên cạnh đó Ngài ra sức cải cách bộ máy hành chính, đề ra các điều luật, chỉnh đốn lại hàng ngũ quân đội, thực hành các biện pháp đối phó với giặc ngoại xâm... và việc quan trọng nhất mà Vua không quên là nghiên cứu giáo lý nhà Phật và thực tập Thiền tông trong đời sống hằng ngày. Cả cuộc đời tận tảo hy sinh cho đất nước, với phương châm lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” làm mục tiêu của lẽ sống và làm cương lĩnh cho đường lối trị nước. Vì Ngài biết rằng Phật tính không ở đâu xa, mà luôn hiện hữu trong tâm của mình, chỉ cần sống với tâm chân thật thì Phật tính ấy sẽ luôn hiện tiền.

Trần Thái Tông đã mở ra cách cửa bí mật bằng chính sở chứng của mình, Ngài đã phơi bày ra chân lý: tâm giác ngộ đồng nhất với tâm Phật, không còn cái tâm phân biệt đối đãi nhị nguyên, Ngài khuyên mọi người nên trở lại cái tâm vốn thanh tịnh trong sáng nhìn mọi vật không sai khác về hình tướng. Vì lẽ đó tác giả sáng tác một số lượng lớn các tác phẩm không những bày tỏ cảm quan của mình về thế giới con người mà đó cũng là phương pháp cho mọi người tu tập, thực hành để thanh lọc thân tâm. Ngài là người mở đầu cho sự ra đời của một nền văn học mới, nền văn học mang tính hiện thực sinh động. Sáng tác của Ngài đã đánh dấu bước tiến đáng kể trong nền văn hóa văn học dân tộc, ảnh hưởng đậm nét đối với nền văn học không những dưới thời Trần và được nối tiếp chảy dài trong dòng lịch sử văn học nước nhà mãi mãi về sau.

Trần Thái Tông đã để lại cho đời tấm gương sáng, chính cái đó mới có thể lưu lưu trong dòng đời bất tận và luôn tỏa sáng đến muôn ngàn thế hệ hôm nay và mai sau. Tư tưởng đặc sắc của Trần Thái Tông là một thực thể sống, kế thừa và phát huy tư tưởng này hậu bối chúng ta phải là những người chân tu thực học, hết lòng vì Đạo Pháp - Dân tộc. Nhất là Tăng Ni trẻ trong cuộc sống hiện nay,

những người thừa đương mạng mạch Phật Pháp, là hàng long tượng của Phật giáo, chúng ta phải sống và tư tưởng như thế nào để xứng với lòng mong mỏi của các bậc cha ông. Tuy nhiên thực hiện trọng trách này không đơn giản, nhưng cũng chẳng phải là không làm được, chúng ta hãy can đảm đứng lên đánh thức những người mê ngủ, kêu gọi thiện tâm của những người tỉnh thức cùng nhau ngồi lại nhìn về một hướng, hiện tại và tương lai Phật giáo. Dĩ nhiên, công việc nào cũng có khó khăn của nó, quan trọng là nghị lực và lòng cương quyết “hãy đốt lên ngọn lửa còn hơn là ngồi nguyên rửa bóng đêm”. Muốn xây dựng cái chung tốt đẹp có lẽ mỗi cá nhân chúng ta nên có giây phút nhìn lại mình, để thấy mình như thế nào, đang tư duy ra sao cho cuộc sống hiện tại và tương lai, có như thế mới mong cống hiến được phần nào cho sự tôn vinh của xã hội, đất nước và con người.

Tác giả: **Quảng Nhựt** Học viên Ths Khóa II Học viện PGVN tại Huế

[1]Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, Q.5, tr. 264 [2]Thích Phước Đạt, Giá trị văn học trong tác phẩm của Thiền phái Trúc Lâm, tr.42 [3]Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, Q.5, tr. 276 [4]Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, Q.5, tr. 276 [5]Lê Mạnh Thát, Toàn Tập Trần Thái Tông, tr. 69 [6]Thích Minh Châu, Chánh Pháp Và Hạnh Phúc, tr.97 [7]Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tr.66 [8]Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, tr.275 [9]Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, tr.286 [10]Trại Quy Hóa: Xưa thuộc bộ Tân Hưng, nhà Lý gọi là Đăng Châu; nhà Trần gọi là trại Quy Hóa; nhà Lê đổi làm phủ; bây giờ cũng theo như cũ, thuộc tỉnh Hưng Hóa. Hưng Hóa là một tỉnh cũ của Việt Nam vào nửa cuối thế kỷ 19. Tỉnh Hưng Hóa được thành lập năm 1831. Đây là một trong số 13 tỉnh được thành lập sớm nhất. [11]Thích Phước Đạt, Giá trị văn học trong tác phẩm của thiền phái Trúc Lâm, tr.50 [12]Thích Giác Toàn, Hương Thiền ngàn năm thơ văn Thiền sư Lý - Trần, tr.580 [13]Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải, tr.13-15 [14]Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải, tr.16 [15]Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, Q.5, tr.273 [16]Thích Phước Đạt, Trần Thái Tông và Khóa Hư Lục Nhìn Từ Góc Độ Văn Học, tr. 77. [17]Thích Hạnh Tuệ, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh trong văn học Phật giáo Việt Nam, tr.120. [18]Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Phật giáo đời Trần, tr. 70.

TÀI LIỆU THAM KHẢO - Thích Giác Toàn, Hương Thiền ngàn năm thơ văn Thiền sư Lý - Trần, Nxb. Tổng Hợp TP.HCM, 2010. - Lê Mạnh Thát, Toàn Tập Trần Thái Tông, Nxb. Tổng Hợp, TP. HCM, 2004. - Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, Q.5, Nxb Thời Đại, Hà Nội, 2013. - Thích Hạnh Tuệ, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh trong văn học Phật giáo Việt Nam, Nxb. Khoa Học Xã Hội, 2018. - Thích Minh Châu, “Chánh Pháp Và Hạnh Phúc”, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2001. - Thích Phước Đạt, Trần Thái Tông và Khóa Hư Lục Nhìn Từ Góc Độ Văn Học, Nxb. Hồng Đức,

2020. - Thích Thanh Từ, Khóa hư lục giảng giải, Nxb. Văn hóa nghệ thuật, TP.HCM, 2015. - Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Phật giáo đời Trần, Nxb. Tôn giáo Hà Nội, 2011. - Nguồn link: <https://www.vi.wikipedia.org> > wiki > Chiến_tranh_Nguyên. Truy cập ngày 20/8/2022.